

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAH'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/DSST

Ngày: 21-8-2020.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Long

Các hội thẩm nhân dân gồm có: Ông Võ Ánh Sửu.

Ông Hoàng Tuyển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Tiệp - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'leo, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 354/2019/TLST-DSST, ngày 25 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-DSST, ngày 15 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2020/QĐST-DS ngày 05/8/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: phường B, Quận PN, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Thái H - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ– Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch huyện E.

Người được ủy quyền lại: Ông Trần Văn T – Nhân Viên Thẩm định – Phòng Giao dịch huyện E – có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th và bà Vũ Thị Ch. Đều vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Mạnh Q, sinh năm 1989 – vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992 – vắng mặt.

3. Nguyễn Thị H, sinh năm 1995 – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

4. Chị Nguyễn Thị Thanh M, sinh năm 1993.

Địa chỉ: xã H, tp B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thị Hồng Th– sinh năm 1996.

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: ấp S, xã P, huyện L, Tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Thắng Đ, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Ngô Thái Hải trình bày:**

Căn cứ hợp đồng tín dụng số N0553/HĐTD ngày 22/01/2013 và hợp đồng vay vốn số N.1213/1 ngày 04/01/2014 thì ông Nguyễn Văn Thảo và bà Vũ Thị Chuyền đã vay vốn của Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch huyện E với số tiền gốc là 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), mục đích vay phục vụ nông nghiệp, thời hạn vay 11 tháng, lãi suất trong hạn 0,75%/ tháng, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân đầy đủ số tiền vay.

Để bảo đảm tiền vay ông Th bà Ch ký hợp đồng thế chấp bất động sản số N. 0586/HĐTC ngày 22/01/2013, thế chấp cho Ngân hàng thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23, diện tích 8.016m² đất tọa lạc tại thôn B, xã E, huyện E tỉnh Đắk Lắk; Giấy chứng nhận QSDĐ số BĐ 937609 ngày 19/01/2012 do UBND huyện E cấp cho hộ ông bà Nguyễn Văn Th, Vũ Thị Ch

Đến hạn trả nợ theo hợp đồng, ông Th, bà Ch không tự nguyện trả nợ. Ngân hàng đã yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng ông Th không trả, bà Ch thì bỏ đi khỏi địa phương.

Tổng số nợ của ông Th, bà Ch tạm tính đến ngày 21/8/2020 là 70.000.000đ tiền gốc, 3.060.000đ tiền lãi trong hạn và 54.102.000đ lãi quá hạn. Tổng cộng 127.162.000đ.

Nay, ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông bà Nguyễn Văn Th, Vũ Thị Ch phải trả tổng số nợ cả gốc và lãi nói trên và phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 22/8/2020 cho đến khi trả hết toàn bộ số nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng vay vốn đã ký. Trong trường hợp ông Th, bà Ch không trả được nợ thì ngân hàng yêu cầu được xử lý toàn bộ tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 0586/HĐTC ngày 22/01/2013 để thu hồi nợ.

***Tại bản tự khai ngày 25/9/2019, bị đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày:**

Năm 2014 vợ chồng ông có vay 70.000.000đ tiền gốc tại Ngân hàng Đ và có thế chấp thửa đất số 18 diện tích hơn 8.000m² tại thôn B, xã E, Do hoàn cảnh khó khăn nên chưa trả được nợ và hiện nay vợ ông đã biệt tích hơn 6 năm không biết ở đâu. Ông đồng ý giao tài sản đã thế chấp cho ngân hàng để trả nợ.

Bị đơn bà Vũ Thị Ch đã được triệu tập và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/9/2019 chị Nguyễn Thị H trình bày: Tôi là con của ông Nguyễn Văn Th và bà Vũ Thị Ch, năm 2013 bố mẹ tôi có vay vốn tại Ngân hàng Đ, tôi đã ủy quyền cho bố mẹ tôi thế chấp tài sản là thửa đất tại thôn B, xã E để vay vốn, nay tôi đồng ý với kiến của bố tôi, tôi không có ý kiến và yêu cầu

gì thêm, vì đây là tài sản của bố mẹ tôi. Tôi từ chối tham gia tố tụng và cam kết không có khiếu nại gì.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/9/2019 anh Nguyễn Mạnh Q, trình bày: Tôi là con của ông Nguyễn Văn Th và bà Vũ Thị Ch, ngày 22/01/2013 tôi có làm giấy ủy quyền cho bố mẹ tôi vay vốn tại ngân hàng Đ và thế chấp tài sản là thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23. Nay bố mẹ tôi không trả được nợ và bị ngân hàng khởi kiện thì tôi không có ý kiến và yêu cầu gì thêm, vì đây là tài sản của bố mẹ tôi. Tôi từ chối tham gia tố tụng và cam kết không có khiếu nại gì.

Tại bản tự khai ngày 04/11/2019 chị Nguyễn Thị H, trình bày: Tôi là con của ông Nguyễn Văn Th và bà Vũ Thị Ch, ngày 22/01/2013 tôi có làm giấy ủy quyền cho bố mẹ tôi vay vốn tại ngân hàng Đ và thế chấp tài sản là thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23. Nay bố mẹ tôi không trả được nợ và bị ngân hàng khởi kiện thì tôi không có ý kiến và yêu cầu gì, vì đây là tài sản của bố mẹ tôi. Tôi từ chối tham gia tố tụng và cam kết không có khiếu nại gì.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/6/2020 chị Nguyễn Thị Thanh M, trình bày: Tôi là con nuôi của ông Nguyễn Văn Th và bà Vũ Thị Ch, ngày 22/01/2013 tôi có làm giấy ủy quyền cho bố mẹ tôi vay vốn tại ngân hàng Đ và thế chấp tài sản là thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23. Tuy tôi có tên trong sổ hộ khẩu gia đình nhưng thực tế tài sản thế chấp để vay vốn là tài sản riêng của bố mẹ tôi, tôi không có công sức đóng góp gì, nên tôi không có yêu cầu gì.

Chị Nguyễn Thị Hồng Th và anh Nguyễn Thắng Đ, mặc dù đã được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Hồ sơ vay vốn gồm: Hợp đồng tín dụng số N0553/HĐTD ngày 22/01/2013 Hợp đồng vay vốn số N.1213/1 ngày 04/01/2014; Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; hợp đồng thế chấp bất động sản số N.0586/HĐTC ngày 22/01/2013; Giấy chứng nhận QSDĐ số BĐ 937609, do UBND huyện E cấp ngày 19/01/2012 cho hộ ông Nguyễn Văn Th, Vũ Thị Ch; Giấy ủy quyền ngày 22/01/2013; Giấy nhận nợ ngày 04/01/2014; Biên bản làm việc ngày 02/6/2016; Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2017 ngày 06/01/2017 nội dung “tuyên bố bà Vũ Thị Ch vắng mặt nơi cư trú; sổ hộ khẩu gia đình ông Nguyễn Văn Th.

Các tài liệu do bị đơn cung cấp: bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Bản tự khai, biên bản ghi lời khai của ông Nguyễn Văn Th, Biên bản ghi lời khai chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Mạnh Q, bản tự khai chị Nguyễn Thị H, biên bản ghi lời khai chị Nguyễn Thị Thanh M; biên bản xác minh nơi cư trú của các đương sự, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất thế chấp vay vốn; kết luận giám định chữ ký, chữ viết của bà Vũ Thị Ch của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình.

Về nội dung vụ kiện: Sau khi phân tích và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự có mặt tại phiên tòa, xét thấy phía nguyên đơn có đủ căn cứ pháp lý để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông bà Nguyễn Văn Th, Vũ Thị Ch phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch huyện E tổng số nợ cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 21/8/2020 là 127.162.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân Hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng Giao dịch huyện E đối với bị đơn ông bà Nguyễn Văn Th, Vũ Thị Ch là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng mục đích vay vốn là để phục vụ nông nghiệp nên thuộc loại án dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Việc vợ chồng ông Nguyễn Văn Th và bà Vũ Thị Ch ký hợp đồng tín dụng vay vốn của Ngân hàng Đ– Chi Đắk Lắk – Phòng giao dịch huyện E là có thật được chứng minh qua các Hợp đồng tín dụng số N0553/HĐTD ngày 22/01/2013 Hợp đồng vay vốn số N.1213/1 ngày 04/01/2014 và sự thừa nhận của bị đơn ông Nguyễn Văn Th và kết luận giám định số 30/PC09 ngày 04/5/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, đã kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Vũ Thị Ch dưới mục đại diện bên B (bên vay) trong các tài liệu giám định M1, M2, Hợp vay vốn, hợp đồng thế chấp bất động sản, giấy ủy quyền, là do cùng một người ký và viết ra.

Theo hợp đồng nói trên thì ông Th và bà Ch vay số tiền gốc là 70.000.000đ ; mục đích vay phục vụ nông nghiệp, thời hạn vay 11 tháng, lãi suất trong hạn 0,75%/ tháng, lãi suất quá hạn bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn.

Thời hạn hạn trả nợ cuối cùng là ngày 30/12/2014, nhưng đến nay ông Th, bà Ch chỉ mới trả cho ngân hàng Đông Á được 3.240.000đ tiền lãi, số nợ gốc và lãi trong hạn, quá hạn còn lại tính đến nay là 127.162.000đ. Như vậy ông Th, bà Ch đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bên cho vay (Ngân hàng Đ – chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch huyện E). Vì vậy, yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là có căn cứ, cần áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, buộc vợ chồng ông bà Nguyễn Văn Th, Vũ Thị Ch phải trả cho Ngân hàng Đ – Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng Giao dịch huyện E, tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 21/8/2020 là 127.162.000đ

ngoài ra ông Th, bà Ch còn phải chịu thêm khoản lãi suất phát sinh theo các hợp đồng vay vốn đã ký nói trên tính từ ngày 22/8/2020 đến khi trả hết nợ.

[3] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn: Để bảo đảm tiền vay ông ông Th, bà Ch ký hợp đồng thế chấp bất động sản số N. 0586/HĐTC ngày 22/01/2013, thế chấp cho Ngân hàng thừa đất số 18, Tờ bản đồ số 23, diện tích 8.016m² đất tọa lạc tại thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Giấy chứng nhận QSDĐ số BD 937609 ngày 19/01/2012 do UBND huyện E cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Th, Vũ Thị Ch. Khi ký hợp đồng thế chấp đã được các thành viên trong hộ là anh Nguyễn Mạnh Q, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Thanh M, chị Nguyễn Thị Hồng Th, anh Nguyễn Thắng Đ, làm giấy ủy quyền cho ông bà Th, Ch được quyền dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QSDĐ số BD 937609 để thế chấp vay vốn tại ngân hàng. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nói trên là hợp pháp có hiệu lực pháp luật. Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Th, bà Ch vẫn không thanh toán được số nợ trên thì Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch huyện E được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản nói trên để thu hồi nợ.

[4] Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.040.000 đồng (*Năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*), do bà Vũ Thị Ch có tình vắng mặt nên phải tiến hành giám định chữ ký và chữ viết của bà, kết luận giám định chữ ký, chữ viết mang tên Vũ Thị Ch trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản là của bà, đồng thời yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Th và bà Ch phải chịu toàn bộ tiền chi phí giám định nói trên. Do phía nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí giám định nên buộc ông Th, bà Ch phải trả số tiền trên cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch huyện E.

[5] về chi phí xem xét thẩm định tài sản thế chấp tài sản là: 1.000.000đ (một triệu đồng). Lỗi vi phạm hợp đồng thuộc về bị đơn nên buộc ông Th bà Ch phải chịu. Do số tiền này phía nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên buộc vợ chồng ông Th, bà Ch, phải trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch huyện E.

[6] Về án phí: ông Nguyễn Văn Th và bà Vũ Thị Ch, phải chịu toàn bộ án phí DSST là 6.358.000 đồng (*sáu triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng*)

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch huyện E, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 299, 318, 319, 320, 323 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật Luật tổ chức tín dụng năm 2010; điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 56 và Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm; Điều 15 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định 163/2006/NĐ-CP;

khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc vợ chồng ông bà Nguyễn Văn Th, Vũ Thị Ch phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng Giao dịch huyện E, tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 21/8/2020 là 127.162.000đ (*một trăm hai mươi bảy triệu một trăm sáu mươi hai nghìn đồng*). Trong đó 70.000.000đ tiền gốc, 3.060.000đ tiền lãi trong hạn và 54.102.000đ, lãi quá hạn. Ngoài ra ông Th, bà Ch còn phải chịu thêm khoản lãi suất quá hạn phát sinh theo theo hợp đồng tín dụng số N0553/HĐTD ngày 22/01/2013 và hợp đồng vay vốn số số N.1213/1 ngày 04/01/2014 tính từ ngày 22/8/2020 đến khi trả hết nợ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông bà Nguyễn Văn Th, Vũ Thị Ch không thực hiện việc thanh toán toàn bộ số nợ trên thì Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng Giao dịch huyện E, được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 937609 ngày 19/01/2012 do UBND huyện E cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Th, Vũ Thị Ch đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 23, diện tích 8.016m² đất tọa lạc tại thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, theo hợp đồng thế chấp bất động sản số N.0586/HĐTC ngày 22/01/2013 để thu hồi nợ.

Về chi phí xem xét thẩm định tài sản thế chấp, chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Ông bà Nguyễn Văn Th, Vũ Thị Ch phải chịu toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định tài sản thế chấp, chi phí giám định chữ ký, chữ viết tổng cộng là 6.040.000đồng (*sáu triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*), trong đó: chi phí giám định chữ ký 5.040.000 đồng (*Năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng*), chi phí xem xét thẩm định tài sản thế chấp là 1.000.000đồng (*một triệu đồng*). Ông Th, bà Ch phải trả số tiền này cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng Giao dịch huyện E (do Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước).

Về án phí: Ông bà Nguyễn Văn Th – Vũ Thị Ch phải nộp 6.358.000đ (*sáu triệu ba trăm năm mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng Giao dịch huyện E 2.901.500 đồng (*hai triệu chín trăm lẻ một nghìn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001060 ngày 18/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết công khai bản án.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Long